

**BÁO CÁO****Về việc lồng ghép giới trong Nghị định  
quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai**

Kính gửi: Chính phủ

Luật Đất đai số 31/2024/QH15 đã được Quốc hội Khóa XV thông qua tại Kỳ họp bất thường lần thứ 5 ngày 18 tháng 01 năm 2024 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2025. Ngày 05 tháng 3 năm 2024, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 222/QĐ-TTg về Kế hoạch triển khai thi hành Luật Đất đai số 31/2024/QH15 (Luật Đất đai năm 2024), trong đó ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai, giao Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì xây dựng Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Thực hiện các quy định của Luật Bình đẳng giới và Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài nguyên và Môi trường xin báo cáo việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự thảo Nghị định như sau:

**I. CÁC VĂN BẢN ĐIỀU CHỈNH VIỆC LỒNG GHÉP VẤN ĐỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG XÂY DỰNG VĂN BẢN PHÁP LUẬT**

Hiến pháp năm 2013 đã khẳng định về việc công dân nam, nữ bình đẳng về mọi mặt; Nhà nước có chính sách bảo đảm quyền và cơ hội bình đẳng; Nhà nước, xã hội và gia đình tạo điều kiện để phụ nữ phát triển toàn diện, phát huy vai trò của mình trong xã hội; nghiêm cấm phân biệt đối xử về giới (Điều 26); Nhà nước, xã hội và gia đình có trách nhiệm bảo vệ, chăm sóc sức khỏe người mẹ, trẻ em (Điều 58).

Luật Bình đẳng giới được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2006 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2007. Luật đã quy định nhiều biện pháp để bảo đảm bình đẳng giới, trong đó lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản pháp luật là một trong 06 nguyên tắc cơ bản về bình đẳng giới, đồng thời là biện pháp nhằm thực hiện mục tiêu bình đẳng giới, phù hợp với quy định của các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, như Công ước về các quyền dân sự, chính trị năm 1966, Công ước về chống phân biệt đối xử đối với phụ nữ (CEDAW)... các nguyên tắc này cũng như việc hướng dẫn thi hành Luật đã được cụ thể hóa ở một số văn bản hướng dẫn như:

Nghị định số 70/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 6 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bình đẳng giới, Nghị định số 48/2009/NĐ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2009 của Chính phủ quy định biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới, Nghị định số 70/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 6 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật bình đẳng giới.

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 63/2020/QH14 của Quốc hội), Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ) cũng đã quy định về việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết.

Trong quá trình xây dựng Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, Ban soạn thảo và cơ quan chủ trì soạn thảo đã thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

## **II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VIỆC LỒNG GHÉP GIỚI TRONG LUẬT ĐẤT ĐAI NĂM 2013 VÀ CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THI HÀNH LUẬT**

Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành đã được quy định theo hướng không có sự phân biệt nam hay nữ đều có quyền bình đẳng như nhau trong việc được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Luật quy định cụ thể và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của cá nhân (bao gồm cả nam và nữ), hộ gia đình (trong đó bao gồm phụ nữ) sử dụng đất phù hợp với từng hình thức như giao đất không thu tiền sử dụng đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất, thuê đất...

Luật quy định cụ thể các vấn đề bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất ở như nguyên tắc bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất ở: người sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất nếu có đủ điều kiện được bồi thường quy định tại Điều 75 của Luật Đất đai thì được bồi thường. Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất. Việc bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất phải bảo đảm dân chủ, khách quan, công bằng, công khai, kịp thời và đúng quy định của pháp luật.

Luật mở rộng thời hạn giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sản xuất nông nghiệp; mở rộng hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân. Cụ thể: nâng thời hạn giao đất nông nghiệp trong hạn mức đối với

hộ gia đình, cá nhân từ 20 năm lên 50 năm, thống nhất cho các loại đất nông nghiệp (đất trồng cây hàng năm và đất trồng cây lâu năm, đất lâm nghiệp); cho phép hộ gia đình, cá nhân tích tụ với diện tích lớn hơn (không quá 10 lần hạn mức giao đất nông nghiệp).

Bên cạnh đó, các quyền cơ bản của công dân bao gồm cả nam và nữ được Hiến pháp quy định cũng đã được cụ thể hóa trong Luật Đất đai năm 2013 như (1) quyền được tiếp cận thông tin đất đai (*tiếp cận các văn bản quy phạm pháp luật về đất đai; thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; kết quả thống kê, kiểm kê đất đai; thông tin về các thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai...*); (2) quyền giám sát của công dân đối với đất đai (*Điều 199 Luật Đất đai đã quy định Công dân có quyền tự mình hoặc thông qua các tổ chức đại diện thực hiện quyền giám sát và phản ánh các sai phạm trong quản lý và sử dụng đất đai*); (3) quyền tham gia góp ý kiến trong quá trình lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; quá trình xây dựng Bảng giá đất tại các địa phương; quá trình xây dựng phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất... (4) quyền phản ánh các thông tin về tình hình quản lý sử dụng đất đến các cơ quan có thẩm quyền; quyền khiếu nại quyết định hành chính hoặc hành vi hành chính về quản lý đất đai; (5) quyền tố cáo vi phạm pháp luật về quản lý, sử dụng đất đai...

Luật Đất đai năm 2013 đảm bảo quyền và lợi ích của những người sử dụng đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất và bảo đảm thực hiện các quyền của người sử dụng đất. Đồng thời khắc phục một cách cơ bản những trường hợp được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với việc thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước đảm bảo sự bình đẳng giữa những người sử dụng đất và ổn định chính trị xã hội ở nông thôn.

Luật Đất đai năm 2013 đã quy định hộ gia đình sử dụng đất là những người có quyền sử dụng đất chung tại thời điểm được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất; nhận chuyển quyền sử dụng đất, trong đó tại khoản 29 Điều 3 quy định “Hộ gia đình sử dụng đất là những người có quan hệ hôn nhân, huyết thống, nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, đang sống chung và có quyền sử dụng đất chung tại thời điểm được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất; nhận chuyển quyền sử dụng đất”.

Luật Đất đai năm 2013 cũng điều chỉnh nội dung bắt buộc ghi tên cả vợ và chồng trên Giấy chứng nhận đối với trường hợp tài sản là của chung cả vợ và chồng, trong đó tại khoản 4 Điều 98 quy định “Trường hợp quyền sử dụng đất hoặc quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là tài sản chung của vợ và chồng thì phải ghi cả họ, tên vợ và họ, tên chồng vào Giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, trừ trường hợp vợ và chồng có thỏa thuận ghi tên một người”. Đối với trường hợp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất là tài sản chung của vợ và chồng mà Giấy chứng nhận đã cấp chỉ ghi tên vợ hoặc chỉ ghi tên chồng, pháp luật về đất đai đã điều chỉnh để tạo sự công bằng và khắc phục những tồn tại đã có. Cụ thể tại khoản 4 Điều 98 quy định “Trường hợp quyền sử dụng đất hoặc quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là tài sản chung của vợ và chồng mà Giấy chứng nhận đã cấp chỉ ghi họ, tên của vợ hoặc chồng thì được cấp đổi sang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất để ghi cả họ, tên vợ và họ, tên chồng nếu có yêu cầu”.

Nội dung trên cũng được Chính phủ quy định chi tiết thực hiện việc cấp đổi Giấy chứng nhận đối với trường hợp Giấy chứng nhận đã cấp chỉ ghi tên vợ hoặc chỉ ghi tên chồng mà nay có yêu cầu cấp đổi Giấy chứng nhận để ghi cả tên vợ và tên chồng đối với trường hợp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất là tài sản chung của hai vợ chồng (điểm d khoản 1 Điều 76 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP).

Đề hướng dẫn các địa phương trong quá trình thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có tên cả vợ và chồng, tại điểm d khoản 1 Điều 5 của Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường đã quy định trên trang 1 của Giấy chứng nhận “trường hợp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất là tài sản chung của hai vợ chồng thì ghi họ tên, năm sinh, tên và số giấy tờ nhân thân, địa chỉ thường trú của cả vợ và chồng như quy định tại điểm a và điểm b khoản này”.

Khoản 16 Điều 3 Luật Đất đai năm 2013 đã quy định Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) là chứng thư pháp lý để Nhà nước xác nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất hợp pháp của người có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất. Điều 168 Luật Đất đai quy định về thời điểm được thực hiện các quyền của người sử dụng đất đã quy định: người sử dụng đất được thực hiện các quyền chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, tặng cho, thế chấp, góp vốn quyền sử dụng đất khi có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là chứng thư pháp lý rất quan trọng để Nhà nước bảo hộ quyền sử dụng đất và để người sử dụng đất thực hiện các quyền của mình.

Trong quá trình tổ chức thực hiện Luật Đất đai năm 2013, thực hiện các quy định về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có ghi tên cả vợ và chồng

trên Giấy chứng nhận đối với trường hợp tài sản là của chung cả vợ và chồng đã đạt được các kết quả. Đến nay tổng số Giấy chứng nhận đã cấp cho hộ gia đình, cá nhân là 24,69 triệu Giấy chứng nhận (hộ gia đình là 15,07 triệu Giấy chứng nhận, cá nhân là 5,01 triệu Giấy chứng nhận, cả vợ và chồng là 4,6 triệu Giấy chứng nhận), trong đó có 15,68 triệu Giấy chứng nhận có tên người phụ nữ. Số Giấy chứng nhận có tên người phụ nữ chiếm 64% trên tổng số Giấy chứng nhận đã cấp cho đối tượng là hộ gia đình, vợ chồng và cá nhân, trong đó Bắc Trung Bộ là vùng có tỷ lệ Giấy chứng nhận có tên người phụ nữ cao nhất với 76% tương ứng với 4,01 triệu Giấy chứng nhận, Tây Nam Bộ là vùng có tỷ lệ Giấy chứng nhận có tên người phụ nữ là thấp nhất với 49% tương ứng với 2,73 triệu Giấy chứng nhận.

Như vậy, việc quy định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có tên cả vợ và chồng đã tạo ra sự bình đẳng giới trong quan hệ tài sản giữa những thành viên trụ cột trong gia đình; đảm bảo pháp lý về quyền bình đẳng ngang nhau cho vợ và chồng đối với khối tài sản chung của hai người; đồng thời, thể hiện sự tiến bộ của xã hội, mọi người đều có quyền bình đẳng, tạo điều kiện để người phụ nữ tham gia tích cực trong phát triển kinh tế. Quy định của pháp luật về đất đai đối với việc cả vợ và chồng cùng đứng tên trên Giấy chứng nhận đã làm tăng tỷ lệ Giấy chứng nhận có cả tên vợ và chồng. Giấy chứng nhận mang tên cả vợ và chồng đảm bảo cho phụ nữ và nam giới được bình đẳng với nhau, bảo vệ quyền của phụ nữ, đặc biệt đối với phụ nữ tại các khu vực khó khăn, khu vực đông bào dân tộc thiểu số, khu vực miền núi, hải đảo (khu vực mà người phụ nữ dễ bị xâm phạm về quyền). Trong trường hợp có vấn đề phát sinh về quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận mang tên cả vợ và chồng sẽ bảo vệ được quyền lợi chính đáng của các đối tượng có liên quan.

Việc cấp Giấy chứng nhận mang tên cả vợ, chồng đã góp phần tạo sự bình đẳng nam, nữ trong xã hội Việt Nam nói chung và trong việc tiếp cận sử dụng đất đai nói riêng. Hơn nữa, hoạt động này còn tạo ra sự đồng thuận trong xã hội về việc bảo vệ quyền của phụ nữ đối với tài sản là nhà, đất. Ở khía cạnh khác, phụ nữ là lực lượng chủ yếu trong sản xuất nông nghiệp, khi họ được bình đẳng với nam giới về quyền và nghĩa vụ trong sử dụng đất đai sẽ tạo ra động lực tích cực giúp phụ nữ hăng say sản xuất góp phần đáng kể vào quá trình đẩy nhanh giảm tỷ lệ đói, nghèo.

Quyền bình đẳng giới trong sử dụng đất được nâng cao và được tôn trọng góp phần giảm thiểu sự phân biệt đối xử đối với phụ nữ; các mâu thuẫn, xung đột trong gia đình được giải quyết ổn thỏa góp phần tạo nền móng vững chắc để duy trì sự ổn định của xã hội; giảm tranh chấp về đất đai góp phần giữ gìn trật tự xã hội, truyền thống, phong tục tập quán; cung cấp hiểu biết pháp luật đất đai nói chung và về cấp Giấy chứng nhận có ghi tên cả vợ và chồng nói riêng cho

cán bộ và người dân.

Sự tham gia của phụ nữ trong quản lý, sử dụng đất đã góp phần nâng cao vị thế của người phụ nữ trong gia đình, họ có tiếng nói trong quá trình ra quyết định, tham gia nhiều hơn vào các quyết định trong gia đình và từ đó họ cũng mạnh dạn hơn khi tham gia vào các công việc cộng đồng, xã hội. Tạo điều kiện cho người phụ nữ được làm chủ đất đai, hạn chế lệ thuộc vào nam giới, vai trò giới được nâng cao, phát huy, tạo điều kiện để người phụ nữ thoát được đói nghèo và phát triển bản thân, chủ động giải quyết công việc nhanh hơn, hợp lý hơn. Nâng cao sự hiểu biết xã hội của phụ nữ, điều này có tác động rất lớn tới việc giáo dục con cái - những chủ nhân tương lai của đất nước.

### **III. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU LỒNG GHÉP BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI**

#### **1. Quan điểm tiếp cận về bình đẳng giới**

Để đạt được bình đẳng giới thực chất cần đảm bảo bình đẳng cho nam giới và phụ nữ ở cả 03 mức độ:

- Đảm bảo bình đẳng về cơ hội tham gia;
- Đảm bảo bình đẳng về thực tế tham gia;
- Đảm bảo bình đẳng về lợi ích của sự tham gia.

#### **2. Mục tiêu lồng ghép giới trong Nghị định**

Căn cứ vào đối tượng điều chỉnh và phạm vi điều chỉnh của Luật Đất đai năm 2024 và Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai việc lồng ghép giới trong dự thảo Nghị định nhằm hướng tới các mục tiêu sau đây:

- *Thứ nhất*, bảo đảm đồng bộ, thống nhất các quy định của Nghị định với Luật Đất đai năm 2024 và các quy định của pháp luật về bình đẳng giới, pháp luật khác có liên quan;

- *Thứ hai*, quy định chi tiết các nội dung có liên quan đến bình đẳng giới tại Luật Đất đai năm 2024 theo phân cấp nhằm đảm bảo mọi cá nhân (không phân biệt nam và nữ) được bình đẳng trong việc tiếp cận đất đai, trong việc sử dụng đất và trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất, kể cả đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất, trường hợp có tranh chấp đất đai và trường hợp phải phân chia đất đai, tài sản gắn liền với đất.

- *Thứ ba*, đóng góp vào việc thiết lập cơ chế bảo đảm bình đẳng giới thực chất trong tham gia quản lý nhà nước, tham gia các hoạt động kinh tế, xã hội

theo quy định tại Chương II Luật Bình đẳng giới. Qua đó, thể hiện sự phù hợp và tương thích của pháp luật Việt Nam với Điều 3 và Điều 7 Công ước CEDAW, cũng như các khuyến nghị chung của Ủy ban CEDAW liên quan đến việc bảo đảm các quyền con người của phụ nữ và nam giới trong các vấn đề chính trị, kinh tế và xã hội, thúc đẩy tiến trình bảo đảm bình đẳng giới thực chất giữa phụ nữ và nam giới.

#### **IV. LỒNG GHÉP GIỚI TRONG XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH**

##### **1. Xác định trách nhiệm chung trong thực hiện quy trình, thủ tục lồng ghép giới**

Theo quy định của pháp luật về lồng ghép giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật có trách nhiệm lồng ghép vấn đề bình đẳng giới, chuẩn bị báo cáo việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới vào quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo các nội dung:

- Xác định vấn đề giới và các biện pháp giải quyết trong lĩnh vực mà văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh.
- Dự báo tác động của các quy định trong văn bản quy phạm pháp luật khi được ban hành đối với nữ và nam.
- Xác định trách nhiệm và nguồn lực để giải quyết các vấn đề giới trong phạm vi văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh.

Ban soạn thảo Nghị định đã thực hiện đúng quy trình, thủ tục lồng ghép giới và các quy định trong Luật Bình đẳng giới, trong đó các quy định về quyền hạn, trách nhiệm và nghĩa vụ của người sử dụng đất không phân biệt vị trí, vai trò và trách nhiệm của các giới khác nhau trong quản lý và sử dụng đất đai. Nghị định luôn hướng tới mục tiêu mà Điều 4 Luật Bình đẳng giới đã nêu là: *“xóa bỏ phân biệt đối xử về giới, tạo cơ hội như nhau cho nam và nữ trong phát triển kinh tế - xã hội và phát triển nguồn nhân lực, tiến tới bình đẳng giới thực chất giữa nam, nữ và thiết lập, củng cố quan hệ hợp tác, hỗ trợ giữa nam, nữ trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình”*.

##### **2. Quy trình thủ tục lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong việc xây dựng Nghị định**

###### ***2.1. Trong việc thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập***

Thực hiện Điều 21 Luật Bình đẳng giới và các quy định có liên quan của Nghị định số 48/2009/NĐ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2009 của Chính phủ về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản pháp luật, Ban soạn thảo, Tổ biên tập của Nghị định được thành lập, cơ cấu thành phần dựa trên ba yêu cầu cơ

bản: (1) Bảo đảm được quy định chung của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; (2) Đáp ứng được những đặc thù về đối tượng, phạm vi điều chỉnh của dự án Luật; (3) Đáp ứng được yêu cầu về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong thực hiện dự án Luật với sự tham gia của đại diện cơ quan, tổ chức có thẩm quyền có liên quan đến vấn đề giới.

Trong Ban soạn thảo Nghị định có **10/33** thành viên là nữ, Tổ biên tập Nghị định có **12/42** thành viên là nữ. Việc tham gia của các thành viên nữ sẽ giúp việc soạn thảo Nghị định có cách nhìn, tiếp cận một cách tổng quan hơn đặc biệt là vấn đề bình đẳng giới. Đặc biệt, trong thành phần của Ban soạn thảo có đại diện Lãnh đạo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (*cơ quan quản lý nhà nước về bình đẳng giới*), việc tham gia của cơ quan quản lý nhà nước về bình đẳng giới như đã nêu ở trên sẽ giúp vấn đề bình đẳng giới được nghiên cứu, đánh giá, lồng ghép vào các nội dung cụ thể của Nghị định một cách nghiêm túc, thấu đáo hơn.

## **2.2. Trong các hoạt động xây dựng Nghị định**

Đề kịp thời triển khai thi hành Luật Đất đai năm 2024, ngày 05 tháng 3 năm 2024, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 222/QĐ-TTg về việc Ban hành kế hoạch triển khai thi hành Luật Đất đai số 31/2024/QH15, tại phụ lục danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết Luật Đất đai giao Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì xây dựng Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai để hướng dẫn các quy định được giao tại Luật Đất đai gồm 06 Nghị định<sup>1</sup>.

Ngày 26 tháng 3 năm 2024, Thủ tướng Chính phủ đã có Công văn số 202/TTg-NN về việc triển khai thi hành Luật Đất đai số 31/2024/QH15; thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ nêu trên, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập Nghị định; khẩn trương hoàn thiện Hồ sơ dự thảo Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai lấy ý kiến các Bộ, ngành và 63 tỉnh, thành phố trong cả nước.

Ngày 05/4/2024, Bộ Tài nguyên và Môi trường có Công văn số 2162/BTNMT-ĐĐ gửi các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Quốc hội; các tổ chức, tổ chức chính trị - xã hội và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố về việc góp ý các dự thảo Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Ngày 05/4/2024, Bộ Tài nguyên và Môi trường có Công văn số

<sup>1</sup> 06 Nghị định: (1). Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; (2). Nghị định quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và hệ thống thông tin đất đai; (3). Nghị định quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; (4). Nghị định quy định về giá đất; (5). Nghị định quy định về lấn biển; (6). Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.



2161/BTNMT-ĐĐ gửi Văn phòng Chính phủ, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ về việc đề nghị đăng tải dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

Trong các phiên họp của Ban soạn thảo, Tổ biên tập, trên cơ sở các quy định của Luật số 31/2024/QH15, Ban soạn thảo, Tổ biên tập đều trực tiếp hoặc gián tiếp lồng ghép nội dung giới và bình đẳng giới với sự tham gia không chỉ của các thành viên Ban soạn thảo, Tổ biên tập mà còn có sự tham gia của đại diện cơ quan, tổ chức có liên quan đến vấn đề giới.

## V. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ GIỚI VÀ CÁC BIỆN PHÁP GIẢI QUYẾT TRONG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

### 1. Các vấn đề về giới trong Luật Đất đai năm 2024

Luật Đất đai năm 2024 được xây dựng nhằm thể chế các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới dựa trên nguyên tắc không có sự phân biệt về giới trong việc tiếp cận đất đai cũng như việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất, Luật Đất đai năm 2024 không có nội dung quy định phân biệt về giới tính. Cụ thể như sau:

- Kế thừa các quy định của Luật Đất đai năm 2013, Luật Đất đai năm 2024 quy định “*đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu*”; Nhà nước trao quyền cho người sử dụng đất trong đó có cá nhân sử dụng đất (không phân biệt giới tính nam hay nữ) theo các hình thức giao đất không thu tiền sử dụng đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất. Tùy theo hình thức trao quyền sử dụng đất và các nghĩa vụ tài chính đã thực hiện mà cá nhân không phân biệt nam, nữ đều bình quyền như nhau. Đặc biệt, tại khoản 3 Điều 23 Luật Đất đai năm 2024 quy định về quyền của công dân đối với đất đai đã bổ sung một quyền rất quan trọng liên quan đến bình đẳng giới “*quyền bình đẳng giới trong sử dụng đất đai*”. Quyền bình đẳng, bình đẳng giới được xuyên suốt trong toàn bộ nội dung của Luật.

- Luật Đất đai năm 2024 quy định cụ thể về chính sách đất đai đối với cá nhân là đồng bào dân tộc thiểu số.

- Luật quy định cụ thể việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư đảm bảo dân chủ, khách quan, công bằng, công khai, minh bạch, kịp thời và đúng quy định của pháp luật; vì lợi ích chung, sự phát triển bền vững, văn minh và hiện đại của cộng đồng, của địa phương; quan tâm đến đối tượng chính sách xã hội, đối tượng trực tiếp sản xuất nông nghiệp.

- Luật quy định các khoản hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất bao gồm: hỗ trợ ổn định đời sống; hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh; hỗ trợ di dời vật nuôi; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; hỗ trợ tái định cư đối với trường hợp người có đất ở thu hồi mà phải di chuyển chỗ ở và được bồi thường

bằng giao đất ở hoặc nhà ở tái định cư nhưng tiền bồi thường về đất ở không đủ so với giá trị của một suất tái định cư tối thiểu thì được Nhà nước hỗ trợ tiền đủ để được giao một suất tái định cư tối thiểu; hỗ trợ để tháo dỡ, di dời (không phân biệt người được hỗ trợ là nam hay nữ sử dụng đất).

- Quy định hạn mức giao đất nông nghiệp cho cá nhân (không phân biệt nam, nữ); quy định mở rộng hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp cá nhân đáp ứng yêu cầu tập trung, tích tụ đất đai phục vụ sản xuất nông nghiệp theo hướng hiện đại phù hợp với đường lối phát triển nông nghiệp, nông thôn.

- Luật đảm bảo quyền và lợi ích của những người sử dụng đất hợp pháp được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và bảo đảm thực hiện các quyền của người sử dụng đất.

- Luật tiếp tục kế thừa quy định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên vợ và chồng của Luật Đất đai năm 2013 nhằm bảo đảm quyền bình đẳng của phụ nữ, nâng cao vị thế của người phụ nữ trong việc quyết định đối với tài sản lớn của gia đình.

- Quy định thừa đất có nhiều người chung quyền sử dụng đất, nhiều người sở hữu chung tài sản gắn liền với đất thì cấp cho mỗi người 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; trường hợp những người có chung quyền sử dụng đất, chung quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất có yêu cầu thì cấp chung 01 Giấy chứng nhận và trao cho người đại diện.

- Quy định trường hợp thừa đất thuộc quyền sử dụng của hộ gia đình thì cấp một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất ghi đầy đủ tên thành viên có chung quyền sử dụng đất của hộ gia đình và trao cho người đại diện. Trường hợp các thành viên có chung quyền sử dụng đất của hộ gia đình có nhu cầu thì cấp một Giấy chứng nhận ghi tên đại diện hộ gia đình và trao cho người đại diện hộ gia đình. Việc xác định các thành viên có chung quyền sử dụng đất của hộ gia đình để ghi tên trên Giấy chứng nhận do các thành viên này tự thỏa thuận và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- Các quyền cơ bản của công dân bao gồm cả nam và nữ được Hiến pháp quy định cũng đã được cụ thể hóa trong Luật Đất đai năm 2024 như: quyền được tiếp cận thông tin đất đai; quyền giám sát của công dân đối với đất đai; quyền tham gia xây dựng, góp ý, giám sát trong việc hoàn thiện và tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về đất đai; quyền phản ánh các thông tin liên quan đến tình hình quản lý sử dụng đất đến các cơ quan có thẩm quyền; quyền khiếu nại quyết định hành chính hoặc hành vi hành chính về quản lý đất đai; quyền tố cáo vi phạm pháp luật về quản lý và sử dụng đất đai...

## **2. Lồng ghép giới trong dự thảo Nghị định**

Luật Đất đai năm 2024 được xây dựng nhằm thể chế các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới dựa trên nguyên tắc không có sự phân biệt về giới trong việc tiếp cận đất đai cũng như việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất, do đó các quy định tại dự thảo Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai cũng thể hiện nhất quán chủ trương này:

- Về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng tại nghị này là các vi phạm trong sử dụng đất và vi phạm trong thực hiện dịch vụ về đất đai mà không phân biệt là nam hay nữ.

- Dự thảo Nghị định tiếp tục kế thừa, làm rõ hơn hành vi vi phạm, mức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả sát với thực tiễn không phân biệt giới tính, nhằm đảm bảo cho công tác quản lý, sử dụng đất đai ngày càng hiệu quả.

## **VI. DỰ BÁO TÁC ĐỘNG CỦA CÁC QUY ĐỊNH TRONG NGHỊ ĐỊNH ĐỐI VỚI NAM VÀ NỮ**

Trên cơ sở bảo đảm các nguyên tắc bình đẳng giới, Luật Đất đai năm 2024 và Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai tạo điều kiện thuận lợi cho mọi cá nhân, không phân biệt nam và nữ thực hiện các quyền của mình liên quan đến quản lý, sử dụng đất.

Với các nội dung sửa đổi, bổ sung trong Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai nêu trên, dự kiến sẽ có một số tác động cụ thể như sau:

Thứ nhất, nâng cao nhận thức trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân và toàn dân về bình đẳng giới trong thực hiện chính sách, pháp luật về đất đai;

Thứ hai, quy định cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân có trách nhiệm sử dụng đất đúng mục đích, đúng ranh giới, sử dụng có hiệu quả, không làm suy thoái đất, ô nhiễm đất; trường hợp gây ô nhiễm, suy thoái đất có trách nhiệm thực hiện xử lý, cải tạo, phục hồi đất và bị xử lý theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai”, như vậy quy định tới các giới trong xã hội sẽ là như nhau nếu vi phạm trong việc sử dụng đất sai mục đích, “gây ô nhiễm, suy thoái đất” ... phải có trách nhiệm thực hiện xử lý, cải tạo, phục hồi đất và bị xử lý theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

Thứ ba, trên cơ sở bảo đảm các nguyên tắc bình đẳng giới, Nghị định quy định cho mọi cá nhân, không phân biệt nam và nữ phải có trách nhiệm trong việc quản lý và sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

Cùng với Luật Đất đai năm 2024, Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai sau khi có hiệu lực sẽ tạo cơ hội pháp lý để mọi cá nhân không chỉ được hưởng năng lực pháp lý (khả năng được bình đẳng

trên lý thuyết về mặt pháp lý) mà còn tăng cường hơn nữa cơ hội, điều kiện để cá nhân (trong đó có cá nhân người sử dụng đất là nữ giới) tham gia vào quản lý, sử dụng đất. Đồng thời, nâng cao nhận thức trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân và toàn dân về bình đẳng giới trong thực hiện chính sách, pháp luật về đất đai. Do đó, xác định đúng các vấn đề giới đã được quy định trong Luật Đất đai năm 2024 và quy định chi tiết tại Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai có ý nghĩa rất quan trọng trong quá trình thúc đẩy bình đẳng giới và phát triển bền vững của đất nước./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- PTTgCP Trần Hồng Hà (để b/c);
- Bộ trưởng Đặng Quốc Khánh (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Vụ PC, Ttra Bộ;
- Lưu: VT, QH&PTTND, ĐK&DLTTĐĐ, ĐĐ

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Lê Minh Ngân**